

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2018/DS-PT

Ngày: 08-11-2018

V/v “Kiện đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Châu Thạch

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Vũ Thị Nguyệt

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Tỏ – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:***  
Ông Hoàng Thế Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2018/TLPT- DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp: “Kiện đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2018/QĐ-PT ngày 24/10/2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Nh, sinh năm: 1969; cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1982; cư trú tại đường V, Phường T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 119\*\*, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đỗ Văn T chứng nhận ngày 29/10/2018), có mặt.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1968; cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Xuân HHùng, sinh năm: 1975; cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo:

Bà Lê Thị Nh, sinh năm: 1969 – Nguyên đơn;

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1970 – Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại các bản tự khai của bà Lê Thị Nh thì:

Vào ngày 31/01/2010 bà Lê Thị Nh cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng, hai bên có lập giấy tờ viết tay, tuy nhiên khi đến thời hạn thanh toán thì bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết mặc dù bà Nh đã đòi nhiều lần.

Theo bà Nh thì mặc dù bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ năm 2011 nhưng đến năm 2017 bà mới khởi kiện bà là vì giữa bà và bà N có thỏa thuận bằng lời nói về việc dùng toàn bộ số tiền lãi của khoản vay nói trên để chơi 01 chân huê do bà N làm chủ. Đến cuối năm 2014 thì bà được hốt huê nhưng bà N không chùng tiền huê và cũng không trả tiền nợ gốc đã vay, nay bà có đơn khởi kiện yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và tiền lãi là 1%/tháng tính từ ngày 31/10/2010 đến ngày 31/12/2017 là 28.800.000đ, tổng cộng là 58.800.000đ.

Bà Nguyễn Thị N thừa nhận vào ngày 21/12/2011 có vay của bà Nh số tiền 30.000.000đ, không thỏa thuận thời hạn trả, giấy vay nợ do bà trực tiếp viết, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng và trả hàng tháng. Tuy nhiên giữa bà và bà Nh có thỏa thuận bằng lời nói về việc dùng tiền lãi của khoản vay này để chơi một chân huê do bà làm cái với số tiền 1.000.000đ, dây huê kết thúc vào khoảng tháng 3, 4/2014, có 31 người chơi, bà Nh là người hốt huê thứ 30 với số tiền 29.070.000đ, bà đã giao cho bà Nh số tiền huê này tại nhà của bà Nh, khi giao tiền có chồng và con của bà Nh ở nhà. Việc giao tiền hai bên không lập giấy tờ gì và sau đó bà Nh có khoe với bà T (hàng xóm) việc bà Nh hốt huê của bà được gần 30.000.000đ.

Ngoài ra, vào tháng 3/2012 bà vay thêm của bà Nh 40.000.000đ, hai bên không lập giấy tờ gì, lãi suất 2.000đ/ngày, khoảng 10 ngày bà trả lãi cho bà Nh một lần. Đến ngày 25/8/2012 bà có mở dây huê 2.000.000đ thì bà Nh nói với bà tiền lãi của số tiền vay 40.000.000đ bà phải gom vào một tháng để đóng 01 chân huê 2.000.000đ cho bà Nh nên thay vì bà trả tiền lãi thì bà đóng tiền huê cho bà Nh, nếu còn thiếu thì bà Nh phải đóng thêm. Dây huê này có 27 người chơi, đến tháng thứ 24 (tháng 4/2014) bà Nh hốt huê được số tiền 52.000.000đ và đã cho bà Hoàng Thị L cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vay số tiền này.

Đến khoảng tháng 7/2014 bà Nh yêu cầu bà phải trả tổng cộng là 70.000.000đ vì gia đình bà Nh có việc cần dùng. Do vậy, ngay ngày hôm sau bà đã trả được cho bà Nh 60.000.000đ, bà Nh trả lại giấy vay tiền gốc ghi ngày 21/12/2011 cho bà, số tiền 10.000.000đ còn lại do bà Nh chưa cần nên đã cho bà nợ lại để trả sau. Khoảng nửa tháng sau bà lại vay bà Nh 02 lần với số tiền 30.000.000đ, tổng cộng bà nợ của bà Nh 40.000.000đ; hai bên không ghi giấy tờ gì, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng, trả lãi hàng tháng bằng tiền mặt đến hết năm 2015 sau đó bà chỉ tính lãi 2%/tháng thì bà Nh thấy lãi thấp nên đã nói với bà chuẩn bị tiền để trả cho bà Nh. Đến tháng 02/2016 bà đã trả được cho bà Nh 27.000.000đ tiền gốc, khi trả hai bên không lập giấy tờ gì, tháng 6/2016 bà đã trả cho bà Nh 13.000.000đ tiền gốc còn lại. Như vậy tính đến tháng 6/2016 bà đã thanh toán xong cho bà Nh toàn bộ tiền nợ gốc, lãi cũng như tiền huê nên bà không còn nợ bà Nh nữa và bà Nh cũng đã nói với bà T, bà H1 là bà đã trả hết nợ cho bà Nh.

Bà thừa nhận toàn bộ chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền ngày 21/12/2011 là do bà trực tiếp viết và ký tên còn chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền ngày 31/01/2010 do bà Nh xuất trình thì không phải là của bà.

Theo ông Phạm Xuân H trình bày số tiền 30.000.000đ mà bà Nh kiện bà N là tài sản riêng của bà Nh, không phải tiền chung của vợ chồng nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nh.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 11/7/2018 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Nh về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Lê Thị Nh số tiền còn nợ là 30.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị Nh đối với số tiền là 30.600.000đ.

Bản án còn tuyên về án phí và lãi suất thi hành án, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/7/2018 bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo không đồng ý trả cho bà Nh số tiền 30.000.000đ.

Ngày 24/7/2018 bà Lê Thị Nh kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc bà N phải chịu lãi suất với số tiền là 30.600.000đ.

*Tại phiên tòa,*

Ông Nguyễn Văn B, người đại diện theo ủy quyền của bà Nh, rút đơn kháng cáo. Bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Giữa bà Lê Thị Nh và bà Nguyễn Thị N có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Theo hồ sơ thể hiện thì thời hiệu khởi kiện đối với vụ án vay tài sản đã hết, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Kiện đòi lại tài sản*” và giải quyết đối với số tiền gốc mà các bên giao dịch là phù hợp.

[2] Qua xem xét thấy rằng, việc vay nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, theo chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thì vào ngày 31/01/2010 bà Nh có cho bà N vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay là 01 năm. Do hết thời hạn cho vay nhưng bà N chưa trả được cho bà Nh khoản tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nên các bên thống nhất dùng số tiền lãi của khoản tiền 30.000.000đ để chơi một chân huê do bà N làm cái, đến cuối năm 2014 thì bà Nh được hót huê nhưng vẫn chưa nhận được tiền huê. Bà N thừa nhận có vay của bà Nh khoản tiền 30.000.000đ và lãi suất cũng như việc cần trừ nợ để chơi một chân huê 1.000.000đ do bà làm cái như bà Nh trình bày tuy nhiên đây là khoản vay của ngày 21/12/2011 và đến khoảng tháng 3, tháng 4/2014 thì bà Nh hót huê được 29.070.000đ, bà đã giao toàn bộ tiền huê cho bà Nh, việc giao tiền không được lập thành văn bản. Sau đó các bên lại tiếp tục có quan hệ vay tiền và dùng tiền lãi chơi huê do bà N làm cái. Theo bà N trình bày thì tính đến hết tháng 6/2016 thì bà đã thanh toán cho bà Nh toàn bộ nợ gốc, lãi cũng như tiền chơi huê nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh, bà Nh lại không thừa nhận. Đối với những người làm chứng gồm ông C, bà V, bà L, ông B và bà Y xác nhận bà Nguyễn Thị N có trả nợ cho bà Lê Thị Nh nhưng không xác định được trả cho khoản nợ nào.

Ngoài ra bà N khẳng định phải chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền ngày 31/01/2010 không phải là chữ ký, chữ viết của bà tuy nhiên tại giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà N không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong tài liệu do bà Nh xuất trình nên không có cơ sở xem xét lời trình bày của bà N; cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nh số tiền nợ gốc 30.000.000đ là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N.

[3] Về lãi suất:

Theo giấy vay tiền ghi ngày 31/01/2010 thì thời hạn trả nợ là 01 năm nhưng đến ngày 23/9/2017 bà Nh mới khởi kiện do vậy đã hết thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-

HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì yêu cầu thanh toán tiền lãi đối với khoản vay trên Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó bà Nh yêu cầu bà N chịu lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 31/10/2010 đến ngày 31/6/2018 là 102 tháng với số tiền 30.600.000đ là không có cơ sở chấp nhận, cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị tính lãi là có căn cứ. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà Nh đã rút kháng cáo đối với phần này nên không đề cập.

[4] Với những nhận định trên cần chấp nhận việc rút kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, người đại diện theo ủy quyền của bà Nh, về việc đề nghị tính lãi, không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần buộc bà N phải trả nợ gốc cho bà Nh.

[5] *Về án phí:*

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Sung vào công quỹ nhà nước tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Nh đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Khoản 1, 5 Điều 308, Điểm b Khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Khoản 2, 4 Điều 26, các Khoản 2, 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận việc rút kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, người đại diện theo ủy quyền của bà Nh.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Phần quyết định của Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng về việc không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị Nh và phần buộc bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.530.000đ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N về việc không chấp nhận trả số tiền gốc 30.000.000đ cho bà Nh, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Nh về việc “Kiện đòi lại tài sản” với bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Nh số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

3. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.500.000đ án phí sơ thẩm.

+ Án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005346 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, bà N đã nộp đủ án phí.

- Sung vào công quỹ nhà nước số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm bà Nh đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005360 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng (bà Hồ Thị Ph nộp thay).

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Châu Thạch**